

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt

Ngày 31/03/2024	9,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.3%	17.7%	1.1%

DT thuần Q1/24
0.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.33
YoY: ▼0.17 -35.0%

LN thuần Q1/24
0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.53 151%
YoY: ▼0.06 -26.3%

LN sau thuế Q1/24
0.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.04 -23.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
52.7%

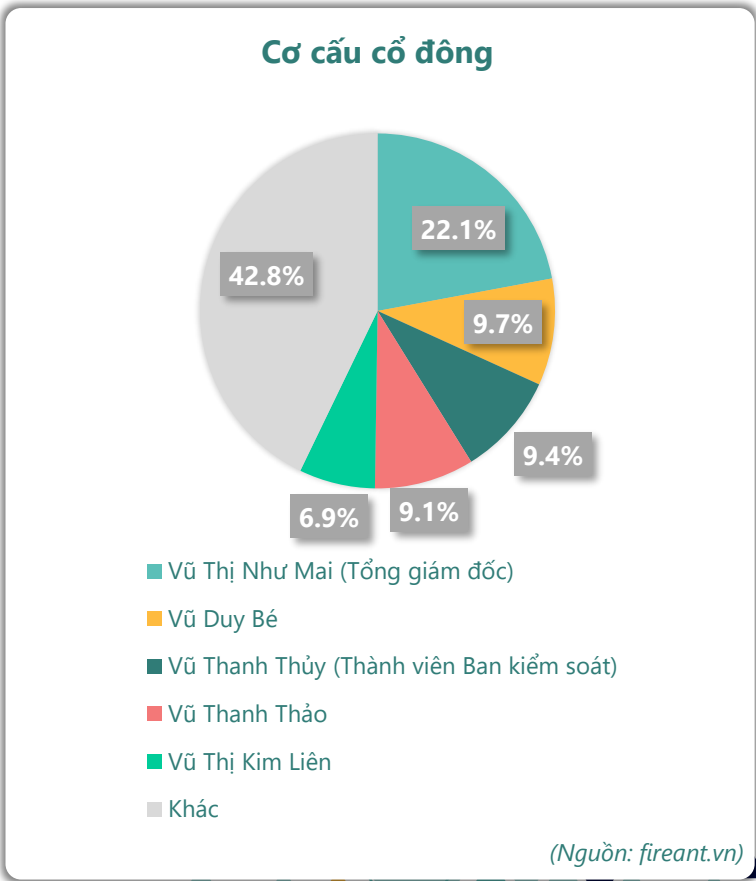
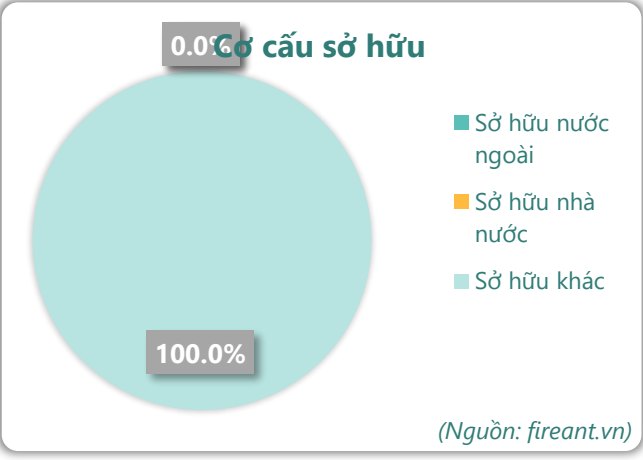
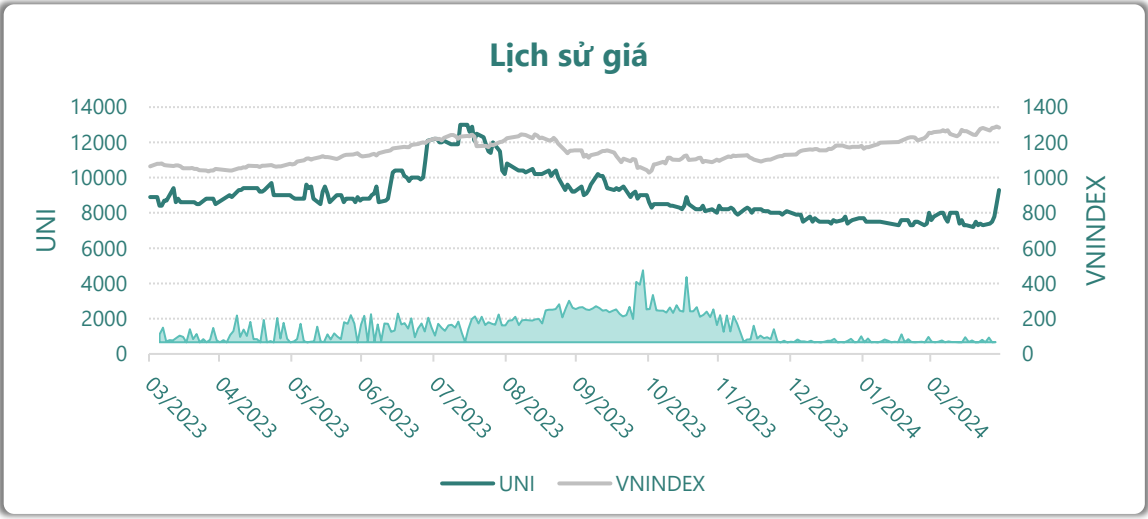
ROE (TTM) Q1/24
0.3%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 13,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
Số lượng CPLH (CP)	15,617,632
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,745
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.46
EPS	37
P/E	254.1

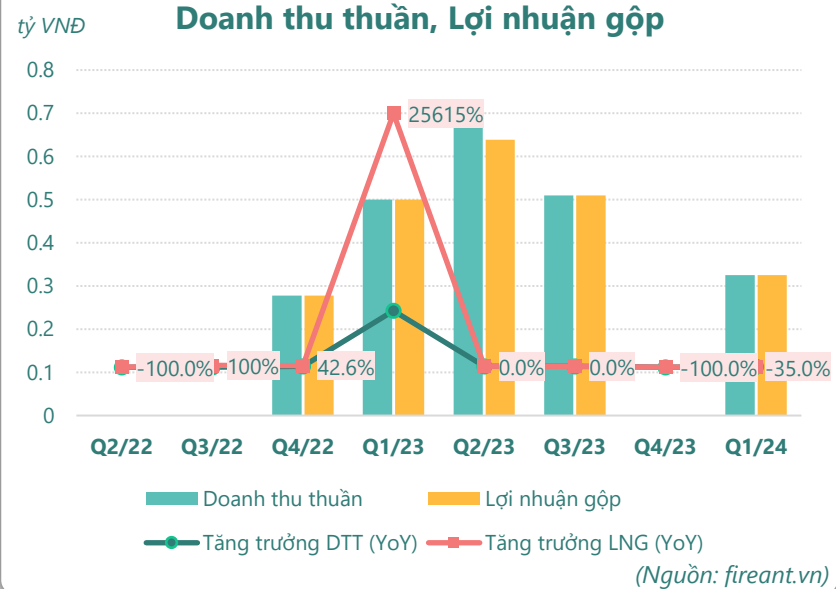
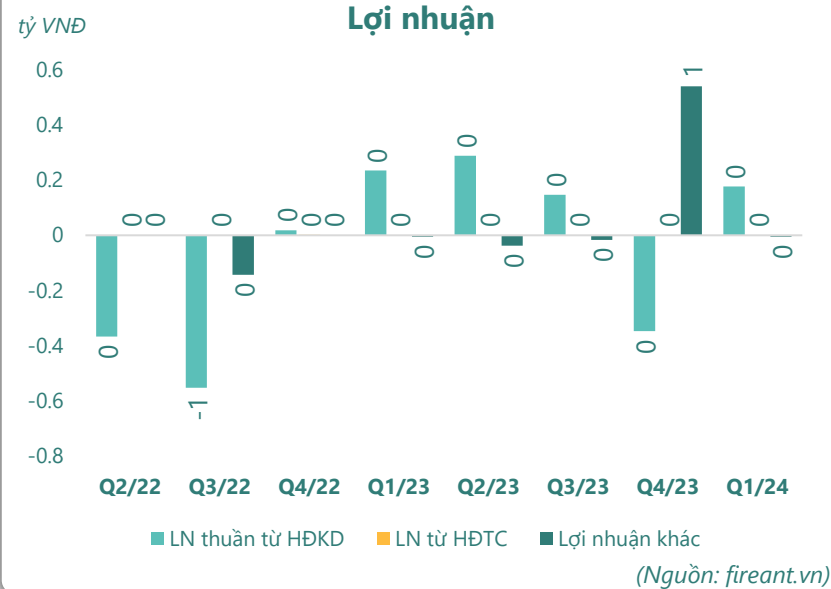
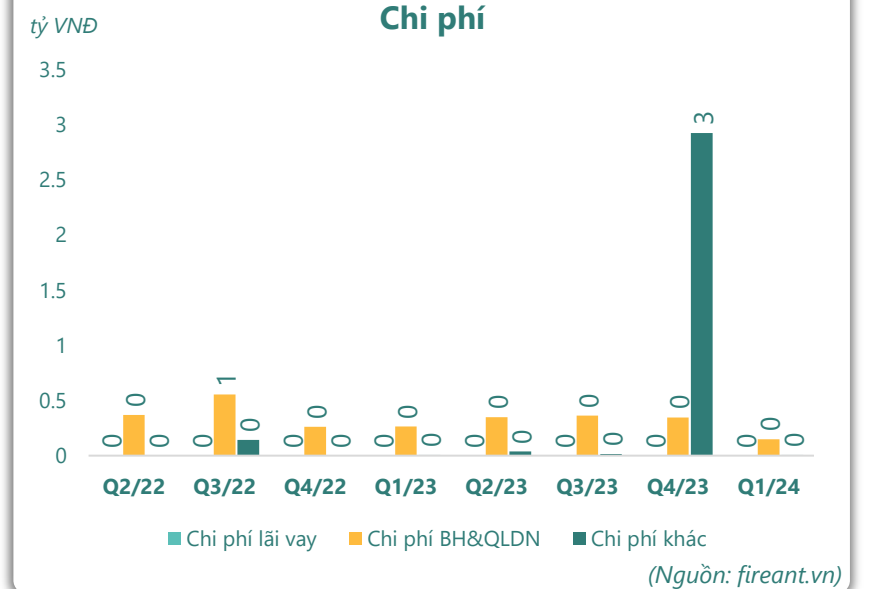
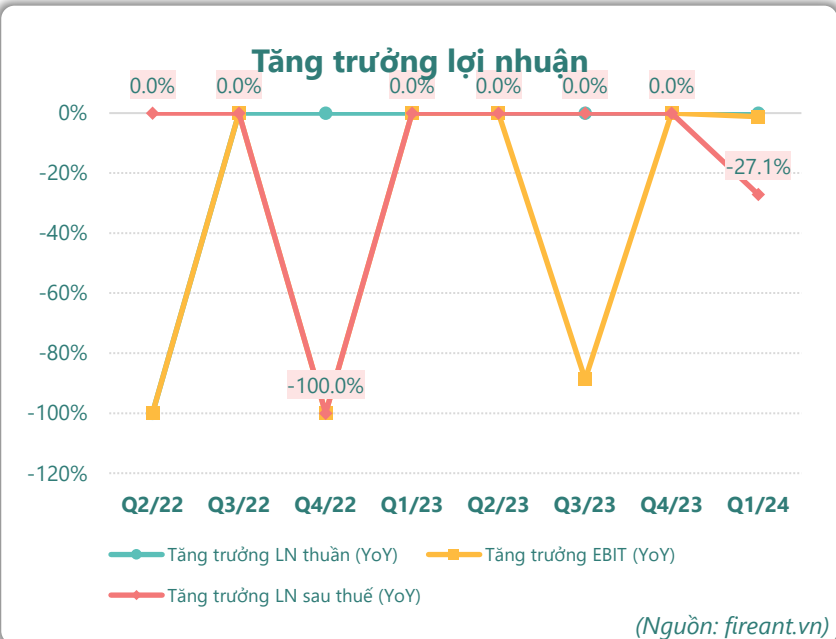
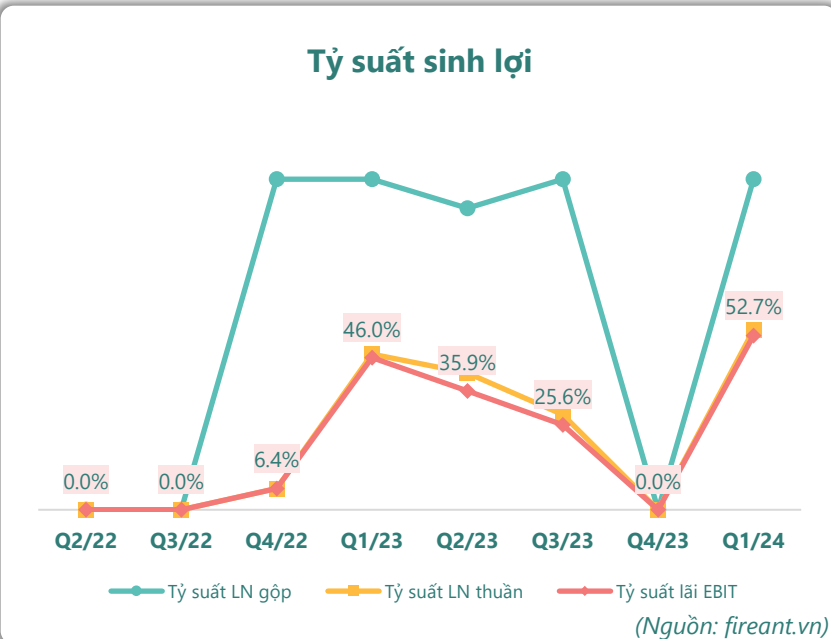
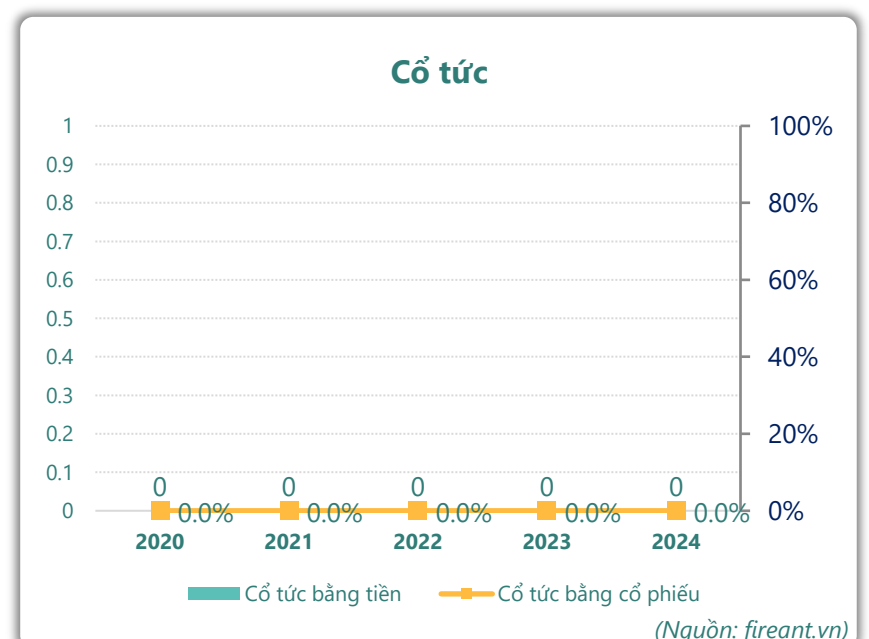
DT thuần 2023
1.71
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.42 497%

LN thuần 2023
0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.18 122%

LN sau thuế 2023
0.67
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.43 173%



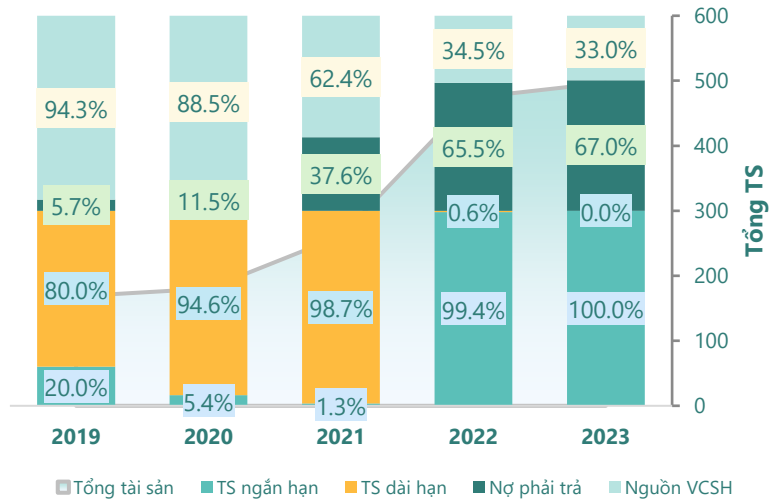
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

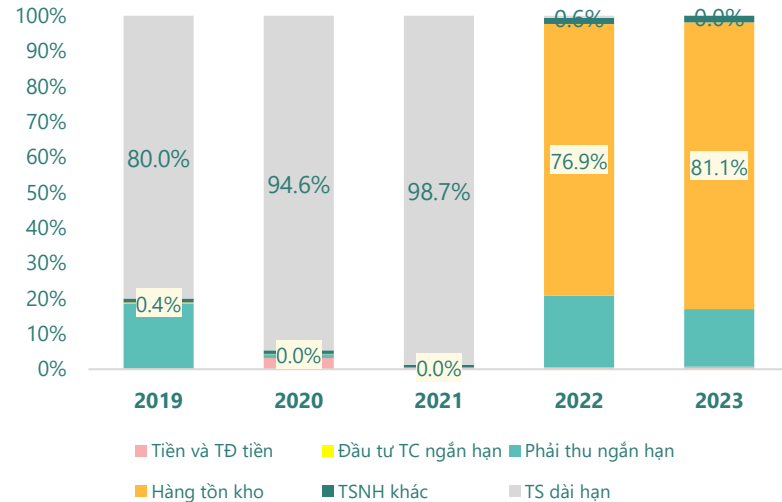
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

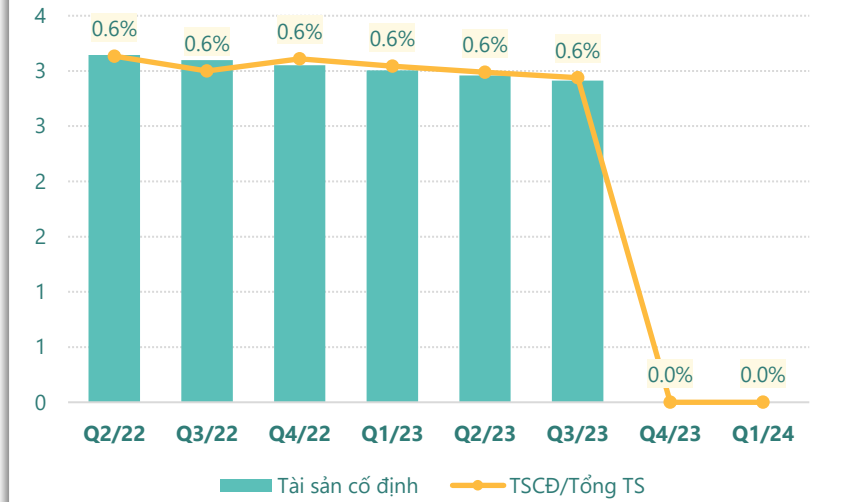
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

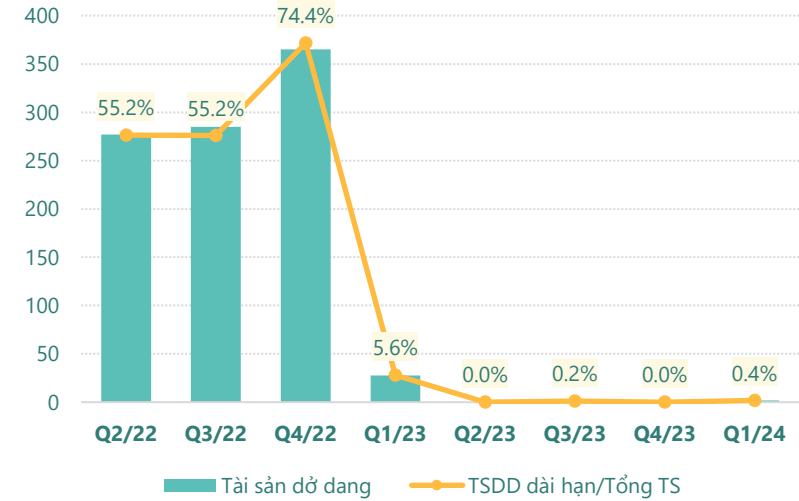
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

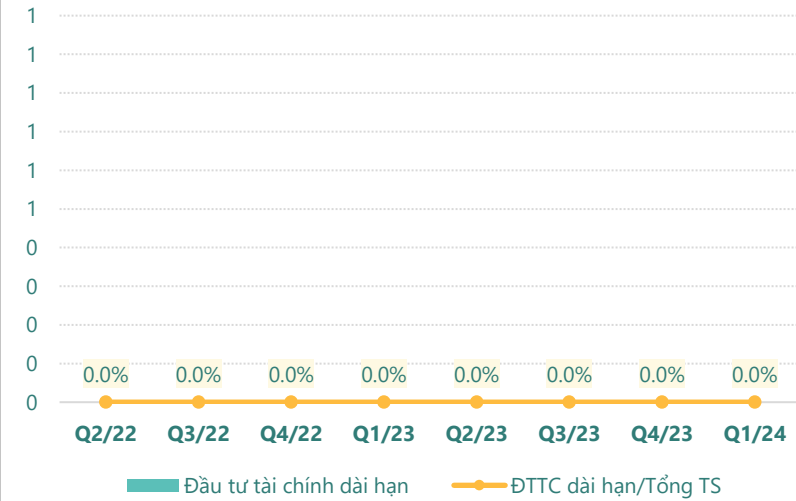
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

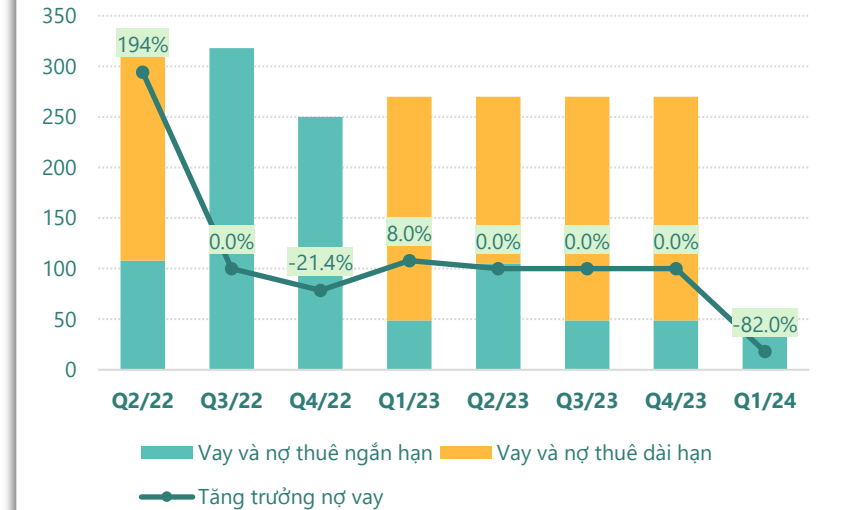
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

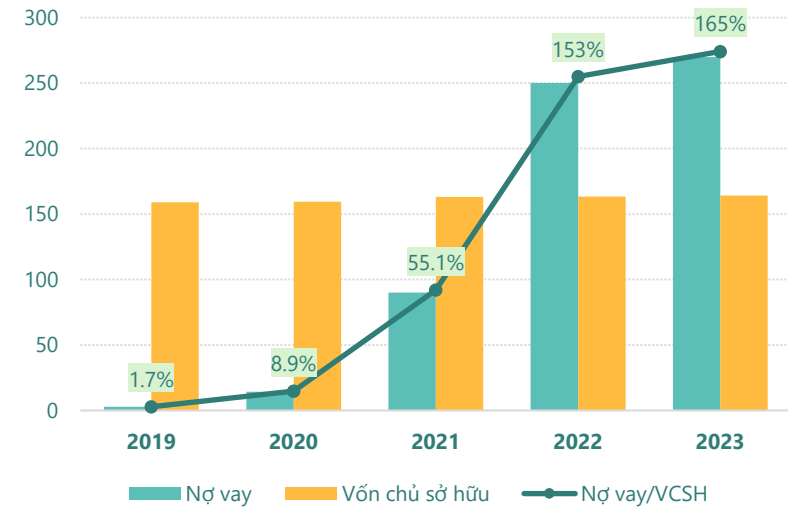


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

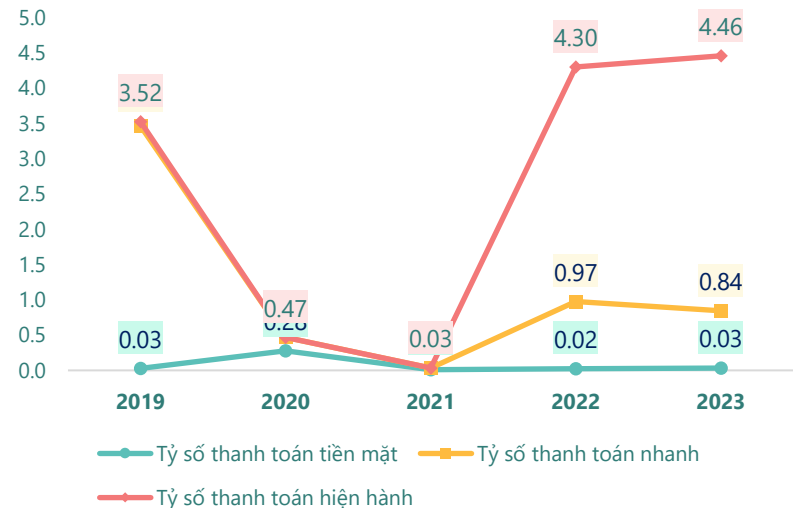
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



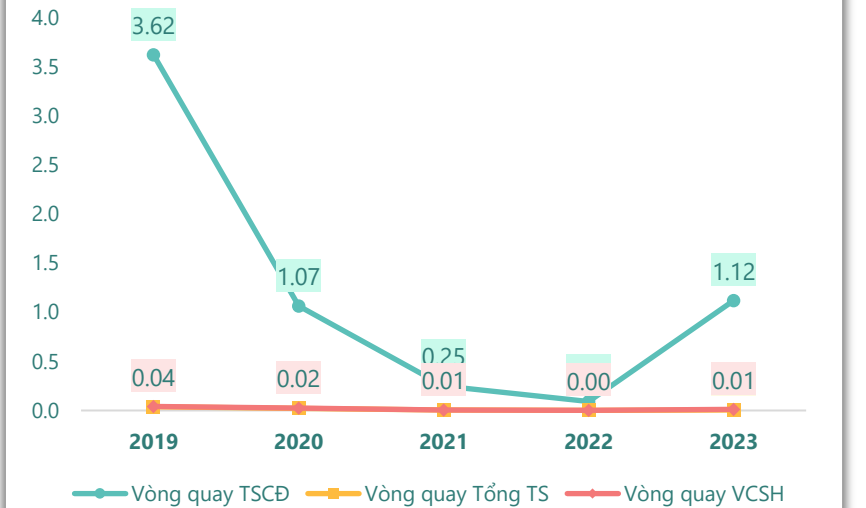
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



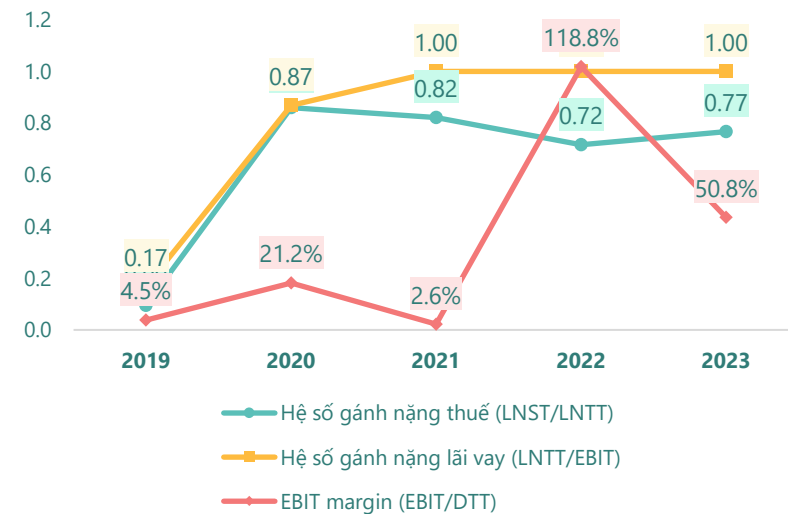
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



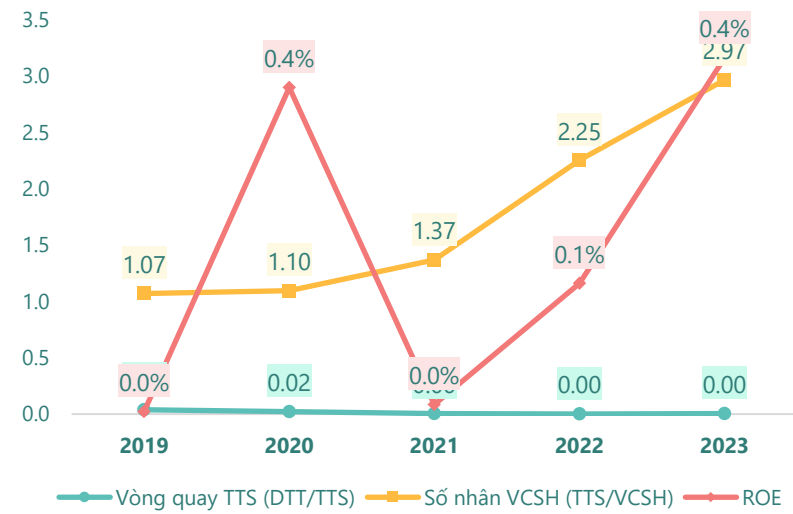
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



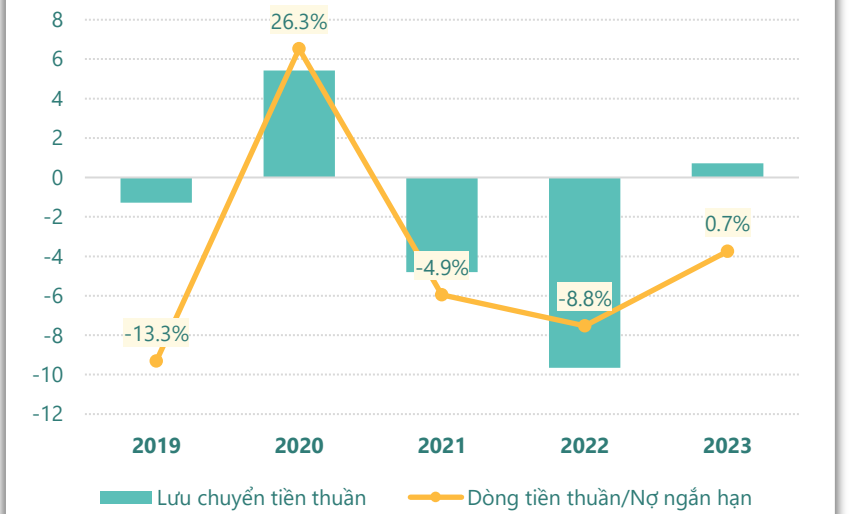
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.33	0.50	-35.0%	1.71	0.29	497%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0.06	0.01	805%
Lợi nhuận gộp	0.33	0.50	-35.0%	1.65	0.28	489%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-88.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.03	-100%
Chi phí QLDN	0.15	0.26	-43.0%	1.43	1.22	17.8%
LN thuần từ HĐKD	0.18	0.24	-26.3%	0.21	-0.97	122%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	45.1%	0.65	1.31	-50.0%
LN trước thuế	0.17	0.23	-25.5%	0.87	0.34	155%
Lợi nhuận sau thuế	0.14	0.18	-23.9%	0.67	0.24	173%
LNST của CĐ cty mẹ	0.14	0.18	-23.9%	0.67	0.24	173%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.4	-13.5	-9.19	0.90	17.8	-3.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.75	-9.03	9.03	0	-15.3	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-68.0	20.0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.11	2.72	0.21	0.05	0.94	3.45
Lưu chuyển tiền thuần	2.62	-2.51	-0.16	0.90	2.50	-3.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.72	0.21	0.05	0.94	3.45	0.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	499	497	0.3%
Tài sản ngắn hạn	497	497	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.11	3.45	-96.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	84.4	81.3	3.8%
Hàng tồn kho	403	403	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	9.24	9.26	-0.2%
Tài sản dài hạn	1.81	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.81	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	334	333	0.4%
Nợ ngắn hạn	113	111	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.6	48.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.64	0.59	7.9%
Nợ dài hạn	221	221	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	221	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	164	164	0.1%
Vốn chủ sở hữu	164	164	0.1%
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

